

TẬP ĐOÀN
ĐIỆN LỰC VIỆT NAM
CÔNG TY THỦY ĐIỆN
TUYÊN QUANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **359** /QĐ-TĐTQ

Tuyên Quang, ngày **30** tháng 3 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy định phân phối tiền lương SXKD khác

GIÁM ĐỐC CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYÊN QUANG

Căn cứ Quyết định số 850/QĐ-EVN ngày 17/12/2014 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty thủy điện Tuyên Quang;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Tổ chức và Nhân sự,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này Quy định phân phối tiền lương SXKD khác trong Công ty thủy điện Tuyên Quang, mã số QyĐ-01-46.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế quyết định số 1090/QĐ-TĐTQ ngày 31/8/2015 về việc ban hành Quy chế phân phối tiền lương SXKD khác của Công ty thủy điện Tuyên Quang.





Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng các đơn vị và toàn thể cán bộ công nhân viên trong Công ty thủy điện Tuyên Quang căn cứ quyết định thi hành. /*lyg*

Nơi nhận:


- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TC&NS.



Dương Thanh Tuyên

| | | | |
|--|---|---|--|
|  | CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYỀN QUANG | Mã số: Q\ D-01-46 | Lần sửa đổi: Lần thứ hai |
| | QUY ĐỊNH PHÂN PHỐI TIỀN LƯƠNG SẢN XUẤT KINH DOANH KHÁC | Trang: 1/10 | Ngày sửa đổi: 27/3/2018 Ngày có hiệu lực: kể từ ngày ký |
| NGƯỜI ĐƯỢC PHÂN PHỐI | | | |
| 1. Giám đốc | | 01 | |
| 2. Phó Giám đốc | | 01 | |
| 3. Các đơn vị trong Công ty | | 07 | |
| 4. Lưu: VT, TC&NS | | 02 | |
| CHỦ TRÌ SOẠN THẢO: PHÒNG TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ | | | |
| NGƯỜI LẬP | | NGƯỜI KIỂM TRA | |
| Chữ ký:  | | Chữ ký:  | |
| Họ và tên: Nguyễn Thị Thu Hiền Chức vụ: Chuyên viên | | Họ và tên: Phạm Văn Tường Chức vụ: Trưởng phòng | |
| THÀNH PHẦN THAM GIA XEM XÉT: | | | |
| 1. Các đơn vị trong Công ty 2. Công đoàn Công ty | | | |
| NGƯỜI DUYỆT: | | | |
| Chữ ký:  | | | |
| Họ và tên: Dương Thanh Tuyên Chức vụ: Giám đốc | | | |
| TÓM TẮT SỬA ĐỔI | | | |
| LẦN SỬA | NGÀY SỬA | TÓM TẮT NỘI DUNG SỬA ĐỔI | |
| Lần thứ nhất | 10.6.2015 | Sửa đổi các quy định về phân phối tiền lương cho người tham gia trực tiếp, tham gia kinh doanh và quản lý | |
| Lần thứ 2 | 27.3.2018 | Sửa lại tên tài liệu | |

010
CH
P.Đ
VI
Đ.Đ
TUY
QUA

| | | | |
|---|---|------------------|------------------------------------|
|  | CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYÊN QUANG | Mã số: QyĐ-01-46 | Lần sửa đổi: Lần thứ hai |
| | QUY ĐỊNH PHÂN PHỐI TIỀN LƯƠNG SẢN XUẤT KINH DOANH KHÁC | Trang: 2/10 | Ngày sửa đổi: 27/3/2018 |
| | | | Ngày có hiệu lực: kể từ ngày ký |

I. MỤC ĐÍCH

- Khuyến khích các cá nhân, đơn vị tích cực tìm kiếm hợp đồng, công việc làm thêm ngoài góp phần mang lại thu nhập cao cho người lao động trong Công ty;

- Khuyến khích người lao động phát huy tinh thần chủ động, làm việc năng suất, chất lượng nhằm hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong các công việc làm thêm ngoài sản xuất điện mà Công ty ký kết với đối tác bên ngoài.

II. TÀI LIỆU LIÊN QUAN

Bộ luật Lao động năm 2012;

Quyết định số 850/QĐ-EVN ngày 17/12/2014 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty thủy điện Tuyên Quang;

Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

III. NỘI DUNG

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi áp dụng


1.1. Đối tượng áp dụng: Là những cán bộ công nhân viên tham gia trực tiếp, kiêm nhiệm, kinh doanh, quản lý và gián tiếp vào hoạt động sản xuất kinh doanh khác.

1.2. Phạm vi áp dụng: Quy định này được áp dụng trong nội bộ Công ty thủy điện Tuyên Quang.

Điều 2. Nguyên tắc chung

2.1. Người lao động tham gia trực tiếp vào sản xuất kinh doanh khác thì tiền lương chế độ được trả bằng 150% so với tiền lương chế độ sản xuất điện tại thời điểm thực hiện Dự án làm thêm ngoài, và lấy từ nguồn thu của Dự án đó để chi trả; Tiền lương hiệu quả công việc theo quy chế trả lương sản xuất điện.

2.2. Số giờ làm việc bình thường không quá 8 giờ/ngày, nếu phát sinh ngoài 8 giờ phải được sự đồng ý của Giám đốc và thể hiện trong bảng chấm công làm thêm ngoài tháng đó và có xác nhận của bên A (với các hợp đồng trọn

| | | | |
|---|---|------------------|--|
|  | CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYỀN QUANG | Mã số: QyĐ-01-46 | Lần sửa đổi: Lần thứ hai |
| | QUY ĐỊNH PHÂN PHỐI TIỀN LƯƠNG SẢN XUẤT KINH DOANH KHÁC | Trang: 3/10 | Ngày sửa đổi: 27/3/2018 Ngày có hiệu lực: kể từ ngày ký |

gói) hoặc làm biên bản phát sinh khối lượng với bên A (với các hợp đồng có tính nhân công thực hiện). Tổng thời giờ làm việc không quá 12 giờ/ngày.

2.3. Người lao động tham gia kiêm nhiệm sản xuất kinh doanh khác thì được hưởng tiền lương kiêm nhiệm.

2.4. Người lao động thực hiện công tác kinh doanh và quản lý thì được hưởng lương theo hiệu quả kinh doanh từ hoạt động sản xuất kinh doanh khác hàng năm.

2.5. Tất cả các chi phí để thực hiện sản xuất ngoài (vd: xăng xe, công tác phí, nhà nghỉ ...) do Công ty chi trả, người lao động không phải chi trả bất kỳ một khoản chi phí nào.

2.6. Những người không tham gia thì không được phân phối thu nhập từ dịch vụ làm ngoài.

Điều 3. Định nghĩa và các từ viết tắt

3.1. Người lao động tham gia trực tiếp: Là người lao động sử dụng thời gian để làm ra hàng hoá, dịch vụ cụ thể (gồm giảng bài; tư vấn tại hiện trường; sửa chữa; vận hành; xử lý sự cố; ...).

3.2. Người lao động tham gia kiêm nhiệm: Là người lao động sử dụng thời gian sản xuất điện để làm thêm nhiệm vụ sản xuất kinh doanh khác được giao (gồm hỏi thi, kèm cặp thực tế, ...).

3.3. Người lao động thực hiện công tác kinh doanh và quản lý: Là các đơn vị, cá nhân tham gia vào các hoạt động kinh tế, quản lý, điều hành trong sản xuất kinh doanh khác.

3.4. Đơn vị: Là các phòng, phân xưởng trong Công ty

3.5. Kinh doanh khác: Bao gồm các hoạt động kinh doanh Công ty ký kết hợp đồng thực hiện các dịch vụ kinh doanh ngoài.

3.6. Công ty: Công ty Thủy điện Tuyên Quang

3.7. CBCNV: Cán bộ công nhân viên Công ty thủy điện Tuyên Quang


3.8. SXĐ: Sản xuất điện

3.9. SXKD: Sản xuất kinh doanh

Chương II

PHÂN PHỐI QUỸ TIỀN LƯƠNG

Điều 4. Tạm ứng tiền lương

| | | | |
|---|---|------------------|------------------------------------|
|  | CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYEN QUANG | Mã số: QyĐ-01-46 | Lần sửa đổi: Lần thứ hai |
| | QUY ĐỊNH PHÂN PHỐI TIỀN LƯƠNG SẢN XUẤT KINH DOANH KHÁC | Trang: 4/10 | Ngày sửa đổi: 27/3/2018 |
| | | | Ngày có hiệu lực: kể từ ngày ký |

Sau khi đơn vị đối tác chuyển tiền cho Công ty, phòng TCKT và phòng TC&NS căn cứ thực tế, bảng chấm công và mức độ công hiến, phối hợp trình Giám đốc tạm ứng cho CBCNV tham gia.

Điều 5. Phân phối quỹ tiền lương

5.1. Phân phối tiền lương sản xuất kinh doanh khác theo từng hợp đồng, công trình hoàn thành.

5.2. Cách thức phân phối

5.2.1. Trích quỹ tiền lương SXKD khác để chi trả lương chế độ cho những người tham gia trực tiếp theo quy định tại khoản 6.1 điều 6.

5.2.2. Phần còn lại (sau khi trừ đi khoản tiền lương chế độ nêu tại khoản 5.2.1 mục này) được phân phối cho những người tham gia kiêm nhiệm theo điều 7 và những người thực hiện kinh doanh và quản lý theo điều 8 Quy định này.

Điều 6. Phân phối tiền lương tham gia trực tiếp

6.1. Công thức xác định tiền lương chế độ

$$T_{cdk} = H_{cb} * L_{cs} * N_{sxx} / N_{cd} * 150\%$$

Trong đó:

T_{cdk} : Tiền lương chế độ khi tham gia SXKD khác

H_{cb} : Hệ số lương cấp bậc công việc đảm nhận

L_{cs} : Mức lương cơ sở do Công ty lựa chọn (bằng mức lương cơ sở Công ty quyết định trong chi trả tiền lương SXĐ)

N_{sxx} : Ngày công tham gia trực tiếp SXKD khác

N_{cd} : Ngày công chế độ trong tháng đi làm SXKD khác

6.2. Đối với những hợp đồng công việc xử lý sự cố, Giám đốc sẽ quyết định phân phối tiền lương SXKD khác tới CBCNV tham gia theo đề xuất của đơn vị chức năng.


Điều 7. Phân phối tiền lương tham gia kiêm nhiệm

7.1. Kèm cặp thực tế

Phân phối cho những người tham gia theo số công kèm cặp. Công kèm cặp trong một ngày được chia cho các thành viên tham gia (theo tỷ lệ %):

7.1.1. Đào tạo lý thuyết vận hành theo ca

- Tại gian máy: Tính công kèm cặp cho Trưởng kíp gian máy (40%), trưởng ca (20%), trực ban gian máy (20%)

| | | | |
|---|---|------------------|--|
|  | CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYỀN QUANG | Mã số: QyĐ-01-46 | Lần sửa đổi: Lần thứ hai |
| | QUY ĐỊNH PHÂN PHỐI TIỀN LƯƠNG SẢN XUẤT KINH DOANH KHÁC | Trang: 5/10 | Ngày sửa đổi: 27/3/2018 Ngày có hiệu lực: kể từ ngày ký |

- Tại phòng trung tâm: Tính công kèm cặp cho Trưởng ca (50%), trực trung tâm (40%), trưởng kíp gian máy (10%)

- Tại trạm phân phối: Tính công cho Trưởng kíp trạm (50%), trực ban trạm (35%), trưởng ca (15%)

7.1.2. Đào tạo đi đúp vận hành

- Trực gian máy: Tính công kèm cặp cho Trưởng kíp gian máy, trưởng ca, các trực ban gian máy, mỗi người 25% công

- Trưởng kíp gian máy: Tính công kèm cặp cho Trưởng kíp gian máy (50%), trưởng ca (20%), các trực gian máy (15%)

- Trực trung tâm: Tính công cho trưởng ca (40%), trực trung tâm (50%), trưởng kíp gian máy (10%)

- Trưởng ca: Tính công cho trưởng ca (60%), trực trung tâm (30%), trưởng kíp gian máy (10%)

- Trực chính trạm: Tính công cho trưởng ca (10%), trực chính trạm (50%), trưởng kíp trạm (40%)

- Trưởng kíp trạm: Tính công cho trưởng ca (10%), trực chính trạm (30%), trưởng kíp trạm (60%)

7.1.3. Đào tạo sửa chữa trong ca

Đối với mỗi ngày thực hiện kèm cặp, công kèm cặp được chia đều (theo tỷ lệ %) cho các thành viên của mỗi phân xưởng sửa chữa tham gia kèm cặp học viên trong ngày hôm đó.

7.2. Kiểm tra, biên soạn quy trình

- Kiểm tra: Thanh toán bằng 50.000 đồng/01 lần tham gia vào hội đồng kiểm tra.


- Biên soạn quy trình: Thanh toán bằng 27.500 đồng/01 trang tài liệu.

7.3. Các hình thức tham gia kiêm nhiệm khác

Tùy từng hợp đồng cụ thể, Giám đốc sẽ quyết định cách thức phân phối tiền lương tham gia kiêm nhiệm cho người lao động trên cơ sở đề xuất của đơn vị chức năng.

Điều 8. Phân phối tiền lương tham gia kinh doanh và quản lý

Phân phối tiền lương tham gia kinh doanh và quản lý theo điểm công hiến của các cá nhân đảm nhận các chức danh công việc tham gia vào từng hợp đồng SXKD khác.

| | | | |
|---|---|------------------|------------------------------------|
|  | CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYEN QUANG | Mã số: QyĐ-01-46 | Lần sửa đổi: Lần thứ hai |
| | QUY ĐỊNH PHÂN PHỐI TIỀN LƯƠNG SẢN XUẤT KINH DOANH KHÁC | Trang: 6/10 | Ngày sửa đổi: 27/3/2018 |
| | | | Ngày có hiệu lực: kể từ ngày ký |

8.1. Khung điểm công hiến

| TT | Chức danh công việc tham gia kinh doanh và quản lý trong SXKD khác | Điểm công hiến |
|----|---|----------------|
| 1 | Giám đốc | 80 - 100 |
| 2 | Phó Giám đốc | 50 - 80 |
| 3 | Trưởng phòng: KHVT, KTAT | 35 - 65 |
| 4 | Trưởng phòng: TC&NS, TCKT; Phó phòng: KHVT, KTAT có tham gia; Quản đốc/Phó Quản đốc các PX có tham gia | 25 - 50 |
| 5 | Trưởng/Phó đơn vị khác có tham gia; Chuyên viên/Cán sự các phòng có tham gia; Đội trưởng đội công tác trực tiếp | 5 - 30 |
| 6 | Trưởng ca; Tổ trưởng tổ sản xuất tham gia; Kỹ sư/Công nhân phân xưởng tham gia | 5 - 25 |
| 7 | Các đối tượng tham gia khác | 2 - 10 |

8.2. Những cá nhân trong và ngoài Công ty có nhiều thành tích trong hoạt động SXKD khác sẽ được Giám đốc xem xét trích một phần quỹ tiền lương SXKD khác để phân phối theo đề xuất của đơn vị chức năng.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN


Điều 9. Ban quản lý dự án thực hiện SXKD khác

Khi có Dự án thực hiện, Công ty sẽ có văn bản giao cho các đơn vị, cá nhân liên quan thực hiện các công việc của Dự án đó.

Điều 10. Trách nhiệm của các đơn vị

10.1. Các cá nhân và đơn vị tham gia hoạt động SXKD khác có trách nhiệm hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Nhóm trưởng/đội trưởng đội công tác trực tiếp SXKD khác thực hiện chấm công theo mẫu trong quy chế này, gửi cho Trưởng đơn vị (được giao chủ trì phần trực tiếp) xác nhận, chuyển về phòng TC&NS tổng hợp chậm nhất ngày 05 của tháng sau liền kề. Đối với công trình kéo dài hơn 01 tháng thì bảng chấm công phải gửi hàng tháng.

10.2. Trường hợp đơn vị nào được giao nhiệm vụ kèm cấp hướng dẫn thực tế, biên soạn quy trình... thì Trưởng đơn vị đó xác nhận vào bảng chấm

| | | | |
|---|---|-------------------|------------------------------------|
|  | CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYÊN QUANG | Mã số: QY Đ-01-46 | Lần sửa đổi: Lần thứ hai |
| | QUY ĐỊNH PHÂN PHỐI TIỀN LƯƠNG SẢN XUẤT KINH DOANH KHÁC | Trang: 7/10 | Ngày sửa đổi: 27/3/2018 |
| | | | Ngày có hiệu lực: kể từ ngày ký |

công kiêm nhiệm theo mẫu tại phụ lục 2 kèm theo Quy định này, vào ngày 03 hàng tháng gửi phòng TC&NS tổng hợp.

10.3. Phòng Kỹ thuật – An toàn có trách nhiệm theo dõi chất lượng, tiến độ thi công và tình hình thực tế, báo cáo Giám đốc để làm cơ sở phân phối tiền lương.

10.4. Phòng Tài chính kế toán có trách nhiệm

- Theo dõi quản lý doanh thu, chi phí, thực hiện các nghĩa vụ với ngân sách nhà nước theo đúng quy định.

- Phối hợp với Phòng TC&NS trong việc xác định doanh thu và chi phí (chưa có tiền lương) kế hoạch và thực hiện để xây dựng và quyết toán quỹ tiền lương hàng năm.


10.5. Phòng Tổ chức và Nhân sự có trách nhiệm

- Xây dựng kế hoạch quỹ tiền lương và quyết toán quỹ tiền lương thực hiện theo quy định của Nhà nước.

- Trình Giám đốc duyệt thanh toán lương cho người lao động.

Điều 11. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các quy định trước đây trái với Quy định này đều bãi bỏ.

Trong quá trình thực hiện, khi thấy cần thiết phải sửa đổi, bổ sung quy chế cho phù hợp.


| | | | |
|--|---|------------------|------------------------------------|
|  EVNHPC TUYEN QUANG | CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYEN QUANG | Mã số: QyĐ-01-46 | Lần sửa đổi: Lần thứ hai |
| | QUY ĐỊNH PHÂN PHỐI TIỀN LƯƠNG SẢN XUẤT KINH DOANH KHÁC | Trang: 8/10 | Ngày sửa đổi: 27/3/2018 |
| | | | Ngày có hiệu lực: kể từ ngày ký |

Phụ lục 1

**BẢNG CHẤM CÔNG GIẢNG DẠY LÝ THUYẾT (HOẶC TƯ VẤN TẠI HIỆN TRƯỜNG, HOẶC SỬA CHỮA, VẬN HÀNH,...)
Công tác SXKD khác theo hợp đồng số:**

| Ngày tháng năm | Người thực hiện | Nội dung công việc thực hiện | Tổng thời gian | Quy ra công |
|-----------------------|------------------------|--|-----------------------|--------------------|
| 01/01/2018 | Nguyễn Văn A | Quy trình vận hành và xử lý sự cố sơ đồ nối điện chính | 4 giờ | 0,5 |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |

000
HIN
TAN
ET
YI
EN
VG


| | | | |
|---|---|------------------|------------------------------------|
|  | CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYEN QUANG | Mã số: QyĐ-01-46 | Lần sửa đổi: Lần thứ hai |
| | QUY ĐỊNH PHÂN PHỐI TIỀN LƯƠNG SẢN XUẤT KINH DOANH KHÁC | Trang: 9/10 | Ngày sửa đổi: 27/3/2018 |
| | | | Ngày có hiệu lực: kể từ ngày ký |

Phụ lục 2

BẢNG CHẤM CÔNG KÈM CẶP THỰC TẾ Công tác SXKD khác theo các hợp đồng số:

| TT | Ngày tháng năm | Kèm cặp thực tế trong ca | | | | | |
|-----|-------------------|--------------------------|-------------------------------------|-------------------|-------------------|--|--------------------------------|
| | | Ca kèm cặp | Chức danh nghề thực hiện kèm cặp | | | Người thực hiện kèm cặp | |
| | | | Tên nghề kèm cặp | Học viên tham gia | | Họ tên | Chức danh |
| | | | | Số lượng | Thuộc hợp đồng | | |
| 1 | 01/01/2018 | Ca ngày | Trực điện | 02 | 01/HĐ-.... | Nguyễn Văn A | Trưởng ca |
| | | | | 03 | 02/HĐ-.... | Nguyễn Văn B | Trưởng kíp GM |
| | | | | 01 | 03/HĐ-.... | Nguyễn Văn C Nguyễn Văn D Nguyễn Văn E | Trực ban gian máy |
| 2 | 01/01/2018 | | Sửa chữa trong ca | 05 | 04/HĐ-.... | Nguyễn Văn C Nguyễn Văn D Nguyễn Văn E | Công nhân sửa chữa Kỹ sư |
| ... | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |

9-06
 HẠN
 BIÊN
 HẠM
 HUỖY
 UAN
 T.TU

| | | | |
|---|---|------------------|------------------------------------|
|  | CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYEN QUANG | Mã số: QyĐ-01-46 | Lần sửa đổi: Lần thứ hai |
| | QUY ĐỊNH PHÂN PHỐI TIỀN LƯƠNG SẢN XUẤT KINH DOANH KHÁC | Trang: 10/10 | Ngày sửa đổi: 27/3/2018 |
| | | | Ngày có hiệu lực: kể từ ngày ký |

Phụ lục 3

BẢNG CHẤM CÔNG HỎI THI Công tác SXKD khác theo hợp đồng số:

| TT | Ngày tháng năm | Cán bộ hỏi thi | Thực hiện hỏi thi | | | | |
|----|----------------|----------------|-------------------|---------------|--------------------------------------|------------------------|-------------|
| | | | Tên thí sinh | Chức danh thi | Thời gian từ giờ đến giờ | Tổng thời gian hỏi thi | Quy ra công |
| 1 | 01/01/2018 | Nguyễn Văn A | Trần Văn B | Trực điện | 7h30-9h00 | 6giờ | 0,75 |
| | | | Trần Văn C | Trực máy | 9h00-11h30 | | |
| | | | Trần Văn D | Trưởng kíp GM | 13h00-15h00 | | |
| 2 | 01/01/2018 | Nguyễn Văn B | Trần Văn B | Trực điện | 7h30-9h00 | 4giờ | 0,5 |
| | | | Trần Văn C | Trực máy | 9h00-11h30 | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |

PHIẾU YÊU CẦU SỬA ĐỔI TÀI LIỆU NỘI BỘ

1. Yêu cầu

Ban hành

Sửa đổi

Tên tài liệu: Quy định phân phối tiền lương SXKD khác

Mã số tài liệu: QyĐ-01-46

Tóm tắt nội dung sửa đổi:

Chỉnh sửa lại tên tài liệu. Thay thế cho quy chế phân phối tiền lương SXKD khác của Công ty thủy điện Tuyên Quang ban hành kèm theo quyết định số 1090/QĐ-TĐTQ ngày 31/8/2015.

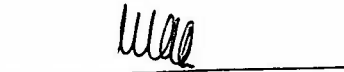
Ngày yêu cầu: 27/3/2018

Người yêu cầu:



Nguyễn Thị Thu Hiền

2. Ý kiến của Trưởng đơn vị yêu cầu (ký và ghi họ tên)



Phạm Văn Tường

3. Ý kiến của Trưởng đơn vị được yêu cầu (đơn vị chủ trì soạn thảo):



4. Ý kiến của Lãnh đạo Công ty:

5. Phân công của Trưởng đơn vị:

Người được chỉ định viết hoặc sửa: Nguyễn Thị Thu Hiền

Ngày cần hoàn thành: 31/3/2018

Người chịu trách nhiệm xem xét: Phạm Văn Tường

T. PHÒNG TC&NS



Phạm Văn Tường